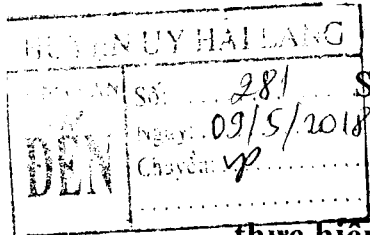


Quảng Trị, ngày 27 tháng 4 năm 2018



Số 110-CTHĐ/TU

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới

Sao gửi cấp ủy trực thuộc UBND huyện
tham mưu
đ 1-11
và Ban chấp hành
đ 1-11

Quán triệt Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới, từ tình hình thực tiễn của tỉnh, Hội nghị lần thứ 13, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XVI, họp 2 ngày từ 19/4 – 20/4/2018 đã thống nhất ban hành Chương trình hành động với những nội dung sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Sau 25 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá VII, 12 năm thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW, ngày 23/2/2005 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 26/7/2006 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIV và các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình (dân số - KHHGD) trên địa bàn tỉnh có nhiều tiến bộ và đạt được những kết quả tích cực, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Công tác học tập, nghiên cứu, quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân số - KHHGD được các cấp ủy Đảng, chính quyền tổ chức thực hiện nghiêm túc, với nhiều hình thức trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về dân số tiếp tục được đổi mới về phương pháp, đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung, phù hợp với từng nhóm đối tượng và yêu cầu, nhiệm vụ của công tác dân số - KHHGD trong từng thời kỳ; trong đó, hình thức truyền thông trực tiếp của đội ngũ công tác viên dân số là hình thức mang lại hiệu quả cao. Nhận thức và hành động của toàn xã hội về dân số - KHHGD đã được nâng lên rõ rệt.

Các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở đã coi công tác dân số là bộ phận quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, là yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng cuộc sống của từng cá nhân con người, từng gia đình và xã hội; việc cụ thể hóa và ban hành các văn bản chỉ đạo sát với tình hình thực tiễn địa phương, trong đó đề ra nhiều biện pháp, giải pháp có tính khả thi¹.

¹ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 26/7/2006, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 06/2010/NQ-HĐND ngày 20/4/2010 về chính sách dân số - KHHGD đến năm 2015, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 29/7/2017 về chính sách dân số - KHHGD tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 3402/KH-UBND ngày 05/10/2010 về việc thực hiện Nghị quyết số 06/2010/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ngày 20/4/2010 về chính sách dân số - KHHGD đến năm 2015, định

Hệ thống tổ chức bộ máy từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục được củng cố, kiện toàn phù hợp với thực tế của từng địa phương². Công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao trình độ lý luận chính trị, kiến thức quản lý nhà nước cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cộng tác viên làm công tác dân số được chú trọng, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu công tác dân số trong tình hình mới³.

Việc cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng về sự đa dạng, thuận tiện và an toàn. Các chính sách hỗ trợ và nguồn lực đầu tư cho công tác dân số được tăng cường⁴.

Các chỉ tiêu về giảm sinh trên địa bàn đạt được những kết quả khả quan⁵. Cơ cấu dân số chuyển dịch theo hướng tích cực⁶, chất lượng dân số cải thiện về nhiều mặt⁷. Hiện nay, Quảng Trị đang trong thời kỳ dân số vàng, tuổi thọ bình quân đạt trên 68 tuổi.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác dân số - KHHGĐ ở tỉnh thời gian qua vẫn còn nhiều hạn chế. Một số cấp ủy Đảng, chính quyền chưa thực sự quan tâm đến công tác dân số, thiếu quyết liệt trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác dân số - KHHGĐ tại địa phương. Tình trạng đảng viên sinh con thứ 3 trở lên trong những năm trở lại đây có xu hướng tăng. Nội dung, hình thức tuyên truyền về dân số - KHHGĐ còn chủ yếu tập trung vào việc thực hiện giảm sinh, các nội dung về cơ cấu dân số, nâng cao chất lượng dân số chưa được chú trọng đúng mức. Sự phối hợp hoạt động của các ngành, các cấp, các đoàn thể vẫn còn thiếu đồng bộ và thường xuyên. Nguồn lực đầu tư cho công tác dân số - KHHGĐ ngày càng giảm, nhất là nguồn vốn từ Trung ương; chế độ hỗ trợ đãi ngộ đối với đội ngũ cộng tác viên dân số còn quá thấp (150.000 đồng/tháng). Mức sinh vẫn còn cao (2,48 con) chưa đạt mức sinh thay thế và có sự khác biệt giữa các địa phương. Cơ cấu dân số có nhiều thay đổi, mất cân bằng giới tính khi sinh tăng nhanh. Chất lượng dân số vẫn còn thấp, tình trạng quan hệ tình dục, có thai ở tuổi vị thành niên, tảo hôn, hôn

hướng đến năm 2020; Kế hoạch số 919/KH-UBND ngày 23/03/2016 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06/2010/NQ-HĐND giai đoạn 2016 - 2020 và Kế hoạch số 4617/KH-UBND ngày 18/9/2017 về việc thực hiện Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ngày 29/7/2017 về chính sách dân số - KHHGĐ tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

² Hiện nay, tỉnh có Chi cục Dân số - KHHGĐ; ở cấp huyện có Trung tâm DS/KHHGĐ; cấp xã bố trí một viên chức tại Trạm Y tế phụ trách công tác Dân số - KHHGĐ và Ban DS/KHHGĐ; thôn bản có cộng tác viên dân số.

³ Đội ngũ cán bộ làm công tác dân số cơ bản đã được chuẩn hóa theo quy định (hơn 90% công chức dân số cấp tỉnh, viên chức dân số cấp huyện và 80% viên chức dân số cấp xã được đào tạo nghiệp vụ dân số cơ bản).

⁴ Như chính sách khuyến khích xây dựng mô hình thôn, bản, khu phố không có người sinh con thứ 3 trở lên; chính sách hỗ trợ chi phí dịch vụ KHHGĐ cho đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo; hỗ trợ thu lao và mua thẻ BHYT tự nguyện cho cộng tác viên (CTV) Dân số thôn, bản, khu phố.

⁵ Tỷ suất sinh thô đến nay chỉ còn 15,56‰, giảm 2,54‰ so với năm 2010, thấp hơn bình quân chung của cả nước (cả nước đạt 15,74‰); Tỷ lệ người sinh con thứ 3 trở lên từ 22,5% (năm 2010) giảm còn 17,7% (năm 2017); Tổng tỷ suất sinh (số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ) giảm từ 2,84 con năm 2009 xuống còn 2,46 con năm 2017. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên 1,08%.

⁶ Nhóm dân số phụ thuộc trẻ (từ 0-14 tuổi) giảm dần, chiếm tỷ lệ khoảng 23,6% tổng dân số; nhóm dân số trong độ tuổi lao động (từ 15-64 tuổi) tăng dần, chiếm tỷ lệ trên 67,3% tổng dân số; Tỷ số dân số phụ thuộc 48,5%. Tỷ số giới tính khi sinh năm 2017: 112,6/100 (bình quân của cả nước 112,2/100).

⁷ Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng) từ 19,5% (năm 2010) xuống còn 14,1%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng (chiều cao) giảm xuống còn 26,7% (năm 2017), giảm 6,2% so với năm 2010.

nhân cận huyết thống ở đồng bào dân tộc ít người còn khá phổ biến. Phân bố dân cư, quản lý dân số còn bất cập. Công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện chính sách dân số - KHHGD ở cơ sở có mặt bất cập, thiếu tính thực tiễn.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm chỉ đạo

- Dân số là yếu tố quan trọng hàng đầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công tác dân số là một nội dung quan trọng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người, từng gia đình và toàn xã hội.

- Công tác dân số phải chú trọng toàn diện cả mặt quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số và phải được đặt trong mối quan hệ hữu cơ với các yếu tố kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững. Từng bước chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển.

- Chính sách dân số phải bảo đảm cân bằng, hài hòa giữa quyền và nghĩa vụ của mọi người dân; giữa việc tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi với thực thi nghiêm kỷ cương pháp luật; giữa việc mở rộng, ứng dụng các kỹ thuật mới với việc nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân.

- Đầu tư cho công tác dân số là đầu tư cho phát triển. Tăng mức đầu tư từ ngân sách địa phương cho công tác dân số, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa; tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, quốc tế để bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số.

- Tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với trọng tâm công tác dân số trong từng thời kỳ, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của cấp ủy, chính quyền các cấp và sự quản lý chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Giải quyết đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội. Duy trì mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; phát huy lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của địa phương.

2.2. Mục tiêu cụ thể

* Đến năm 2025:

- Đạt mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con), ổn định quy mô dân số 674.000 người.

- Giảm tỷ suất sinh thô bình quân 0,2‰ - 0,3‰/năm; giảm tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên bình quân 1%/năm; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức 1,1%.

- Không chế tỷ số giới tính khi sinh không vượt quá 112,5 trẻ trai/100 trẻ gái
- Tối thiểu có trên 35% thai phụ được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh bẩm sinh và 60% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 loại bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.
- Tối thiểu có 60% người cao tuổi hoặc người thân trực tiếp chăm sóc người cao tuổi biết thông tin về già hóa dân số, quyền được chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi và các kiến thức chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; 50% người cao tuổi có khả năng tự chăm sóc, được cung cấp kiến thức, kỹ năng tự chăm sóc sức khỏe; 30% người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất một lần/năm và được lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe.
- Tối thiểu có 70% trẻ vị thành niên, Thanh niên hiểu biết cơ bản một số vấn đề về dân số - KHHGD như các biện pháp tránh thai, tác hại tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân; 70% cha mẹ có con tuổi vị thành niên/thanh niên hiểu biết, ủng hộ, hướng dẫn, hỗ trợ con cái chủ động tìm hiểu thông tin, kiến thức và tiếp cận các dịch vụ dân số - KHHGD.
- Không còn tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

** Đến năm 2030:*

- Duy trì mức sinh thay thế, chủ động giải quyết đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, nâng cao chất lượng dân số và phân bố dân cư.
- Giảm mức sinh chênh lệch giữa nông thôn và thành thị, miền núi và đồng bằng bằng mức sinh chênh lệch trung bình của cả nước.
- Giảm tỷ số giới tính khi sinh và đưa tỷ số này ở mức dưới 109 trẻ nam/100 trẻ gái sinh ra sống; tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi khoảng 22%; tỷ lệ người già từ 65 trở lên khoảng 11%; tỷ lệ dân số phụ thuộc chung đạt khoảng 49%.
- Tối thiểu có 70% thai phụ được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh bẩm sinh và 90% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 loại bệnh bẩm sinh phổ biến nhất. Tối thiểu có 90% nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn.
- Tuổi thọ trung bình khoảng 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm; 100% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở tập trung.
- Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi đối với nam đạt 168,5 cm, nữ 157,5 cm; chỉ số phát triển con người (HDI) đạt mức bình quân của cả nước.
- Bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý ở vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn nhằm phát huy tối đa tiềm năng của tỉnh. Đảm bảo người dân sống tại các vùng biên giới, khó khăn được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội.
- Thực hiện việc đăng ký, quản lý dân cư theo hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất toàn quốc.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đối với công tác dân số

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đối với công tác dân số, coi đây là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng, vừa có tính cấp bách, vừa có tính lâu dài. Thống nhất nhận thức cả hệ thống chính trị và tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội về chủ trương chuyển trọng tâm chính sách dân số từ tập trung vào kế hoạch hóa gia đình sang giải quyết toàn diện các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo phải xây dựng các chương trình, kế hoạch hành động với các mục tiêu, giải pháp cụ thể; chủ động lồng ghép có hiệu quả các yếu tố dân số trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, từng địa phương.

Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, cần phân công trách nhiệm cụ thể, cân đối nguồn lực, xác định lộ trình, bước đi rõ ràng; coi việc thực hiện tốt các chỉ tiêu về công tác dân số là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng địa phương, cơ quan, đơn vị và cá nhân. Định kỳ tiến hành kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện. Tăng cường sự phối hợp liên ngành, phát huy mạnh mẽ vai trò của tổ chức Mặt trận các cấp, các ban, ngành, đoàn thể xã hội và của cả cộng đồng trong công tác dân số.

Đề cao tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chủ trương, chính sách về công tác dân số, nhất là sinh đủ 2 con, chú trọng nuôi dạy con tốt, gia đình hạnh phúc, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

2. Đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động về công tác dân số

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước theo hướng đa dạng hóa các hình thức, phương pháp truyền thông; nhất là trên các phương tiện thông tin đại chúng, đội ngũ báo cáo viên các cấp và cộng tác viên dân số ở thôn, bản, khu phố... nhằm tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức, chuyển đổi hành vi về dân số trên tất cả các lĩnh vực quy mô, cơ cấu và chất lượng dân số phù hợp với đặc điểm của từng vùng, từng nhóm đối tượng.

Tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có 2 con, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Ưu tiên tập trung tuyên truyền tại địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên và các vùng, đối tượng có mức sinh cao.

Nâng cao nhận thức, hành vi về bình đẳng giới; đẩy mạnh truyền thông giáo dục về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, tạo dư luận xã hội lên án hành vi

phân biệt, đối xử giới, khẳng định vai trò, con cái trong gia đình, không phân biệt nam hay nữ trong việc nuôi dưỡng, thờ cúng cha mẹ, ông bà tổ tiên.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, khơi dậy phong trào mọi người dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao sức khỏe tâm vóc, thể lực người Việt Nam. Nâng cao nhận thức, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về cư trú, về cấm tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

Nhân rộng, nâng cao chất lượng hoạt động của các mô hình truyền thông tại cộng đồng như mô hình câu lạc bộ tiền hôn nhân; câu lạc bộ người cao tuổi giúp người cao tuổi; mô hình làng không có người sinh con thứ 3 trở lên và một số mô hình khác.

Đổi mới căn bản, toàn diện nội dung, chương trình, tài liệu, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, giới và bình đẳng giới trong và ngoài nhà trường theo hướng hiện đại, khoa học.

3. Kiện toàn tổ chức máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số tinh gọn theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả gắn với Kế hoạch của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Đề án của UBND tỉnh liên quan đến nội dung đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, đồng thời quản lý chuyên môn thống nhất. Thực hiện việc sáp nhập Trung tâm dân số -KHHGD vào trung tâm y tế cấp huyện. Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng, nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ công tác viên ở thôn, bản, tổ dân phố, cụm dân cư.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực nhằm thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp, các ngành đáp ứng với yêu cầu chuyển hướng sang chính sách dân số và phát triển.

Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành nhằm tăng cường chỉ đạo, điều phối hoạt động của các ngành, cơ quan có chức năng quản lý các lĩnh vực liên quan đến công tác dân số và phát triển.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp dịch vụ, tạo thuận lợi cho người dân. Triển khai thực hiện đăng ký dân số và cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia, đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội. Cung cấp số liệu đầy đủ, tin cậy và dự báo dân số chính xác phục vụ việc lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số

Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số toàn diện về quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân số.

Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa gia đình phù hợp với từng vùng, từng nhóm đối tượng. Thực hiện cung cấp miễn phí cho các đối tượng chính sách xã hội; trợ giá phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho người có thu nhập thấp, vùng kinh tế xã hội khó khăn. Đẩy mạnh xã hội hóa phương tiện tránh thai, dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình tại các khu vực thành thị, nông thôn, chuyển dần từ xã hội hóa từng phần, từng bộ phận sang xã hội hóa hoàn toàn.

Phát triển mạng lưới cung cấp các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh, hỗ trợ sinh sản, tư vấn, kiểm tra sức khỏe sinh sản trước hôn nhân. Tăng cường kết nối, hợp tác với các cơ sở cung cấp dịch vụ ngoài công lập. Đổi mới phương thức cung cấp, đưa dịch vụ tới tận người sử dụng; thúc đẩy cung cấp dịch vụ qua mạng.

Sắp xếp lại hệ thống các cơ sở bảo trợ xã hội công lập theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa, tạo lập môi trường thân thiện, hòa nhập giữa các nhóm đối tượng và với xã hội.

Xây dựng hệ thống chuyên ngành lão khoa trong các cơ sở y tế công lập. Khuyến khích phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi; cơ sở cung cấp các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, văn hóa, giải trí của người cao tuổi.

Ưu tiên đầu tư nguồn lực nhà nước, đồng thời huy động nguồn lực xã hội phát triển các cơ sở cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản bảo đảm các nhóm dân số đặc thù như trẻ em, người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, người cao tuổi, đồng bào dân tộc ít người, người di cư... đều thực sự bình đẳng về cơ hội tham gia, thụ hưởng thành quả phát triển.

Đẩy mạnh nghiên cứu về dân số và phát triển, nhất là các vấn đề mới, trọng tâm về cơ cấu, chất lượng, phân bố dân số và lồng ghép yếu tố dân số vào kế hoạch phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực. Tăng cường hợp tác phát triển mạng lưới nghiên cứu về dân số và phát triển.

5. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số

Trên cơ sở các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, tiếp tục rà soát để sửa đổi, bổ sung và ban hành một số chính sách, quy định về công tác dân số phù hợp với yêu cầu chuyển hướng của công tác dân số, cũng như thực tế của địa phương.

Tiếp tục thực hiện các chính sách khuyến khích, hỗ trợ của địa phương đối với công tác dân số như: Chính sách khuyến khích xây dựng mô hình thôn, bản, khu phố không có người sinh con thứ 3 trở lên; hỗ trợ triển khai chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ CSSKSS/KHHGD đến các xã có mức sinh cao,

xã khó khăn; nâng cao chất lượng dân số cho đồng bào dân tộc thiểu số; chi phí thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo; chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số...; xem xét điều chỉnh, bổ sung chính sách hỗ trợ cho cộng tác viên dân số thôn bản, khu phố, cụm dân cư phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của đội ngũ này trong tình hình mới.

Nghiên cứu, xây dựng, thử nghiệm và thực hiện các chính sách nhằm hỗ trợ, nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình, cộng đồng và xã hội như: Chính sách hỗ trợ về vật chất, tinh thần cho các cặp vợ chồng sinh con một bé gái thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn. Chính sách khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.

Rà soát, nâng cao chất lượng quy hoạch các đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, chủ động chuẩn bị các điều kiện để dân cư được phân bố tương ứng, phù hợp với sự phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng của từng vùng và trong chiến lược tổng thể xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng chính sách chuyển cư hợp lý; thúc đẩy phân công lao động và phân bố dân cư giữa các vùng, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng có đồng bào dân tộc ít người sinh sống.

6. Đảm bảo nguồn lực cho công tác dân số

Tăng nguồn lực đầu tư của địa phương cho công tác dân số, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ từ ngân sách trung ương, của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm bảo đảm nguồn lực, đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số của địa phương.

Đẩy mạnh xã hội hóa, có chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất, phân phối, cung cấp các phương tiện, dịch vụ trong lĩnh vực dân số.

Phát triển thị trường, đa dạng hóa các gói bảo hiểm, bao gồm bảo hiểm nhà nước, bảo hiểm thương mại với nhiều mệnh giá tương ứng các gói dịch vụ khác nhau để các nhóm dân số đặc thù đều bình đẳng trong việc tham gia và thụ hưởng các dịch vụ phúc lợi, an sinh xã hội.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội có trách nhiệm quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 21 - NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới và Chương trình hành động của Tỉnh ủy đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân; đồng thời xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện.

2. Đảng đoàn HĐND tỉnh, ban cán sự đảng UBND tỉnh căn cứ Chương trình hành động của Tỉnh ủy, tình hình của địa phương tiến hành rà soát, bổ sung, điều chỉnh và ban hành các cơ chế, chính sách liên quan đến công tác dân số.

3. Giao ban cán sự đảng UBND tỉnh, các ban Đảng và Văn phòng Tỉnh ủy thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 21 - NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và kịp thời báo cáo, tham mưu giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình hành động này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban cán sự Đảng Chính phủ,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban cán sự Đảng Bộ Y tế,
- Vụ địa phương 3 Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các Ban Đảng và Văn phòng Tỉnh ủy,
- Các BCS Đảng, Đảng Đoàn,
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**

Đã ký

Nguyễn Văn Hùng

VĂN PHÒNG HUYỆN ỦY

*

Số 424-BS/VPHU

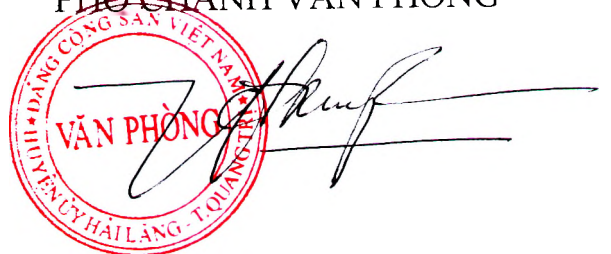
Nơi nhận:

- Các cấp ủy trực thuộc,
- UBND huyện,
- Lưu VPHU.

Sao lục

Hải Lăng, ngày 11 tháng 5 năm 2018

**K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Hữu Trung